

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 03 - 2022

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng

Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Thị H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Dương Thanh Q, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị H và anh Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 87/2015, ngày 26.10.2015). Quá trình chung sống có 1 con chung tên Dương Ngọc Bảo Y, sinh ngày 26/04/2017, con chung hiện chị H đang nuôi dạy.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Nay xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với anh Q, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Dương Thanh Q trình bày như sau: Tôi và H kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Về con chung: vợ chồng có 1 con chung tên Dương Ngọc Bảo Y, sinh ngày 26/04/2017, con chung hiện H đang nuôi dạy.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay.

Nay đồng ý ly hôn với H, về con chung tôi xin nhận nuôi, vì hiện tại H đi làm Công ty nên không trông nom con mà nhờ người khác chăm sóc, do đó tôi xin nhận nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn và nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án:* Đối với nguyên đơn có đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị H và anh Q không làm được điều đó mà ngược lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đã xác định không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại, tại phiên tòa anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị H như vậy xác định chị H và anh Q không còn tình cảm với nhau cả hai điều yêu cầu được ly hôn nên công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Q là phù hợp với Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

[5] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Dương Ngọc Bảo Y sinh ngày 26/04/2017 chị

H yêu cầu được nuôi cháu Y, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Đối với anh Q cũng yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Xét thấy từ khi chị H và anh Q sống ly thân đến nay hơn 1 năm, cháu Y được chị H nuôi dạy ổn định chu đáo và hiện tại chị H cũng xác định đủ điều kiện nuôi cháu Y, nên chấp nhận giao cháu Y cho chị H nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình

Việc thăm nom chăm sóc con chung: Anh Q có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này và anh Q phải tôn trọng quyền của cháu Y được sống với chị H là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Do các đương sự cho rằng tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét phần tài sản chung và nợ chung.

[8] *Xét về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bùi Thị H

Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Dương Thanh Q.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H có trách nhiệm nuôi cháu Dương Ngọc bảo Y sinh ngày 26/04/2017 (cháu Y hiện chị H đang trực tiếp nuôi dạy). Anh Q có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh Q thực hiện quyền này và anh Q phải tôn trọng quyền của cháu Y được sống với chị H.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0004366 ngày 10/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15

kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Từ Thanh Nhung